

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2025/DS-PT

Ngày: 25/8/2025

V/v: tranh chấp hợp đồng góp hội,

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Bà Nguyễn Thị Rễn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Liễu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** bà Võ Thị Kim L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội, hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 -Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 277/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1950. Địa chỉ: khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Phụng T, sinh năm 1971 (có mặt).

Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm R, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn là bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp B, xã S, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2025) (có mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Thanh L2 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 và trong quá trình tham gia tố tụng bà L1 trình bày:

Do tin tưởng là hàng xóm, láng giềng với nhau từ trước đến giờ nên bà L1 có cho vợ chồng bà Trần Thị Phụng T, ông Nguyễn Thanh L2 nợ số tiền:

2.091.730.000 đồng. Trong đó: tiền hui là 1.691.730.000 đồng, tiền vay 400.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền này đã được hai bên thống nhất chốt lại vào ngày 17/12/2024, bà Trần Thị Phụng T tự nguyện ghi biên nhận giao cho bà L1 cất giữ, có sự chứng kiến của Trưởng ban N là ông Nguyễn Văn C.

Trong biên nhận bà Trần Thị Phụng T cam kết khi bán đất sẽ trả nợ cho bà L1, tuy nhiên bà Trần Thị Phụng T và ông Nguyễn Thanh L2 không giữ đúng lời hứa, ngược lại còn âm thầm, lén lút sang tên đất cho các con ruột của mình, nhằm mục đích tẩu tán tài sản không trả nợ cho bà L1.

Do đó bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Trần Thị Phụng T và ông Nguyễn Thanh L2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L1 tổng số tiền: 2.091.730.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo qui định của pháp luật của số tiền 2.091.730.000 đồng, thời gian được tính kể từ ngày 17/12/2024 đến ngày Tòa án giải quyết vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn bà Trần Thị Phụng T trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 2018, bà T có làm đầu thảo hui, bà L1 có tham gia nhiều dây hui do bà T làm đầu thảo. Khi bà T tuyên bố bẻ hui thì giữa bà L1 và bà T và có xác nhận là bà T có thiếu tiền hui, tiền vay của bà Nguyễn Thị Kim L1, tiền hui 1.691.730.000 đồng (trong đó có chưa trừ tiền đầu thảo) và tiền vay 400.000.000 đồng (lãi suất mỗi tháng là 38.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023). Tổng số tiền hui và tiền vay là 2.091.730.000 đồng. Bà T đồng ý thiếu số nợ này và xin trả từ từ. Số nợ này chỉ một mình bà T chịu không liên quan gì đến ông Nguyễn Thanh L2.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L2 trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông là chồng của bà Trần Thị Phụng T, bà T tổ chức làm hui ông không đồng ý nên ngăn cản không cho làm, nhưng bà T vẫn làm, ông cản không được nên bà T vẫn cứ làm hoài. Bản thân ông chưa từng biết chơi hui như thế nào. Ông không có liên quan đến việc làm hui của bà T nên ông không đồng ý việc bà L1 khởi kiện ông và ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long) quyết định.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L1;

Buộc bà Trần Thị Phụng T và ông Nguyễn Thanh L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền hui còn nợ là 1.691.730.000 đồng và tiền lãi 75.823.338 đồng.

Buộc bà Trần Thị Phụng T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền vay vốn gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 17.928.000 đồng.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 ông Nguyễn Thanh L2 là bị đơn kháng cáo yêu cầu: sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh L2 phải cùng bà Trần Thị Phụng T trả số tiền nợ hui cho bà Nguyễn Thị Kim L1 là 1.691.730.000đ và lãi 75.823.338đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trầm Thị Thanh T1 là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh L2 vẫn giữ nguyên kháng cáo của ông L2.

Bà Nguyễn Thị Kim L1 không đồng ý kháng cáo của ông L2, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long).

Ông Nguyễn Thanh L2 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

Về tố tụng: ngày 29/5/2025 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 10/6/2025 ông Nguyễn Thanh L2 kháng cáo là hợp lệ, đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh L2;

Xét thấy: vào năm 2018 bà Trần Thị Phụng T (vợ ông L2) làm chủ hội, mở nhiều dây hội khác nhau. Bà Nguyễn Thị Kim L1 có tham gia hội do bà T làm chủ hội, bà L1 tham gia 36 dây. Đến tháng 12/2023 thì bà T tuyên bố vỡ hội. Sau đó, giữa bà T và bà L1 có chót nợ và lập biên nhận đề ngày 17/12/2024, theo biên nhận bà T thừa nhận nợ bà L1 số tiền hội là 1.691.730.000 đồng. Mặc dù, bà T không còn lưu sổ hội, không cung cấp được danh sách hội viên của từng dây hội. Nhưng bà T thừa nhận bà L1 có tham gia giao dịch góp hội do bà T làm đầu thảo và thừa nhận số tiền hội tính đến ngày 17/12/2024 là 1.691.730.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, sự thừa nhận của bà T là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho bà L1 số tiền hội 1.691.730.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét ông Nguyễn Thanh L2 không thừa nhận toàn bộ số nợ hội trên và khẳng định không có liên quan gì đến việc bà T giao dịch hội với bà L1, ông L2

có ngăn cản việc bà T làm hui. Tuy nhiên tại phiên tòa bà T thừa nhận bà làm chủ hui từ năm 2018 cho đến khi tuyên bố vỡ hui tháng 12/2023 là một khoảng thời gian dài (trên 05 năm). Bà T thừa nhận hàng tháng các hui viên có đến nhà bà khai hui, trong thời gian này bà T và ông L2 là vợ chồng hợp pháp. Việc bà T tổ chức chơi hui trong thời kỳ hôn nhân, ông L2 sống chung nhà với bà T biết việc này. Tại phiên tòa ông L2 và bà T thừa nhận ông bà vẫn sống chung hạnh phúc, không có thỏa thuận phân chia tài sản, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do bà T lo liệu. Ông L2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông ngăn cản bà T làm hui. Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long) buộc ông L2 có nghĩa vụ đối với bà T trả bà L1 số tiền hui là 1.691.730.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L2, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: ông L2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L2;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 -Vĩnh Long).

Căn cứ vào các Điều 288, 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L1;

Buộc bà Trần Thị Phượng T và ông Nguyễn Thanh L2 có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền hui còn nợ là 1.691.730.000 đồng và tiền lãi 75.823.338 đồng, tổng cộng 1.767.553.338đ (Một tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba tám đồng).

Buộc bà Trần Thị Phượng T có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 17.928.000 đồng, tổng cộng 417.928.000đ (Bốn trăm mười bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L1 về việc buộc ông Nguyễn Thanh L2 có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị Phượng T trả số tiền vay 400.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Phượng T và ông Nguyễn Thanh L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 65.026.600 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Buộc bà Trần Thị Phượng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.717.120 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim L1 được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Thanh L2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001493 ngày 10/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Vĩnh Long). Ông L2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND khu vực 10-VL
- Phòng THADS khu vực 10-VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

